TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2024/HS-ST
Ngày: 01/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh; Ông Phạm Minh Thân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 31/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 20/02/2024, đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lương Ngọc N T ; Sinh năm: 2002**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh H; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lương Ngọc T; Con bà: Huỳnh Thị D; Gia đình Bị cáo có 03 chị em, Bị cáo là con thứ hai; Vợ/Con: Không; Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội ;

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1981; Nơi đăng ký HKTT: Số 690 L, phường G, quận B, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: P.12, Khu đô thị V, phường T, quận N, thành phố Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Ngọc H; Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số 1, T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội;

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa; Vắng mặt Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng giữa năm 2020, anh Nguyễn Văn T *(Sinh năm: 1981; Địa chỉ: L, phường G, quận B, Hà Nội)* thuê Lương Ngọc N T làm shipper để phục vụ việc bán hàng trên mạng xã hội. Đến năm 2022, N T chuyển về phòng 1, tòa 1, khu đô thị V T, N, Hà Nội để ở cùng anh T. Khoảng tháng 9/2022, do tin tưởng nên tại địa chỉ này, anh T đã giao cho N T chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen, BKS: 29E2-209.00, số khung: RLHKF2505GY006688, số máy: KF25E0006686 (đứng tên chủ xe là Lê Thị Thúy M) cho N T để N T làm phương tiện đi lại và phục vụ công việc hàng ngày, không cho phép mua bán hay cầm cố hay tặng cho xe. Quá trình sử dụng xe, đến ngày 09/5/2023, do cần tiền tiêu sài cá nhân nên N T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, N T đi chiếc xe máy này từ tòa Tokin 1 đến cửa hàng cầm đồ tại địa chỉ: Số 219 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội của chị Lê Thị M *(Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thịnh Hào 3, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội)* do anh Nguyễn Ngọc H *(là chồng chị Nhàn quản lý)* cầm cố lấy số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn cầm cố xe trong 20 ngày (từ ngày 09/5/2023 đến hết ngày 28/5/2023) với lãi suất 500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Anh Hưng sau đó đã sử dụng số tài khoản của anh Hưng 6867688888 tại Ngân hàng Techcombank chuyển số tiền 50.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)* đến số tài khoản của N T 19070014062016 tại Ngân hàng Techcombank. Ngay sau khi cầm cố xe máy, N T đã bỏ việc, không về nhà anh T nữa và bỏ về quê tại ấp 4B xã Tân Hòa, Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và tắt máy điện thoại, thay sim điện thoại, cắt đứt liên lạc với anh T và để mặc cho chủ cửa hàng cầm đồ bán thanh lý chiếc xe trên. Số tiền cầm cố xe, N T đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng giữa tháng 6/2023, do N T không thanh toán lãi và do không liên lạc được với N T nên anh Nguyễn Ngọc H đã bán thanh lý chiếc xe trên cho một người khách không quen biết với giá 50 triệu đồng nên Cơ quan điều tra không xác định thu hồi được vật chứng.

Đến ngày 19/11/2023, sau khi biết anh Nguyễn Văn T đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an nên N T đã đến Công an phường Tây Mỗ đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, N T khai nhận hành vi phạm tội của N T như đã nêu trên.

Vật chứng do anh Nguyễn Ngọc H giao nộp: 01 Hợp đồng cầm đồ (bản ghi giấy than) có nội dung Lương Ngọc N T cầm cố chiếc xe Honda SH màu đen BKS 29E2 - 209.00, thời hạn cầm cố tài sản từ ngày 09/5/2023 đến hết ngày 28/5/2023 và 01 chứng minh nhân dân số 364108330 mang tên Lương Ngọc N T do N T để lại tại Cửa hàng cầm đồ của anh Hưng;

Tại Kết luận định giá tài sản số: 276/KLĐGTS ngày 27/11/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, kết luận: *"01 xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i, màu đen, BKS: 29E2-209.00, số khung: RLHKF2505GY0064, số máy: KF25E0006686, đăng ký lần đầu ngày 17/02/2017, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)./."*

Đối với chiếc xe máy nêu trên, qua tra cứu xác định đứng tên chủ đăng ký là chị Lê Thị Thúy M *(Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).* Cơ quan điều tra đã làm việc với chị M và xác định: Đầu năm 2022, chị M đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết tại khu vực chợ xe Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Anh Nguyễn T Xuân *(Sinh năm: 1991; HKTT: Khu 5, Lam Sơn, Tam Nông, Phú Thọ)* là chủ Cửa hàng mua bán xe máy tại địa chỉ: Số 38, ngõ 12 Nguyễn Văn Huyên, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội khai: Mua lại chiếc xe trên vào khoảng giữa năm 2022 của một người không quen biết. Đến ngày 25/8/2022, anh Xuân đã bán lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn T với giá 80.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Ngọc H là quản lý cửa hàng cầm đồ, quá trình điều tra xác định, khi nhận cầm cố chiếc xe Honda SH màu đen, BKS: 29E2-209.00, anh Hưng không biết là tài sản do N T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét về trách nhiệm hình sự. Ngày 28/12/2023, Công an quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1837/QĐ-XPHC đối với chị Lê Thị M *(quản lý cửa hàng cầm đồ)* về hành vi vi phạm hành chính *"Nhận cầm cố tài sản của người khác thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố", và hành vi "Không lập sổ quản lý hoạt động kinh doanh phù hợp với loại ngành, nghề đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật"*; Mức phạt tiền là: 11.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười một triệu đồng)* theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số: 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ.

Quá trình điều tra, do xác định địa điểm nơi N T cầm cố chiếc xe máy nêu trên tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội nên Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm có văn bản trao đổi về thẩm quyền giải quyết vụ án với Cơ quan điều tra Công an quận Đống Đa, Hà Nội. Ngày 05/01/2024, Cơ quan điều tra Công an quận Đống Đa có văn đề nghị Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm tiếp tục điều tra vụ án theo Khoản 4 Điều 163 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu N T bồi thường số tiền 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)* tương đương giá trị định giá tài sản chiếc xe Honda SH màu đen, BKS: 29E2-209.00, do không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKS-NTL ngày 29/01/2024 của Viện kiểm sát nhân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo Lương Ngọc N T về tội*: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

*"**Điều 175. Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản."

Tại phiên tòa: Bị cáo N T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của Bị cáo như nội dung bản cáo trạng là đúng, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo về tội*: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Lương Ngọc N T , đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo N T về tội*: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo N T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 175; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo N T từ 12 đến 15 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự, buộc Bị cáo N T bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)* tương đương giá trị định giá tài sản chiếc xe Honda SH màu đen, BKS: 29E2-209.00, do không thu hồi được; Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng cầm đồ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo N T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định: Khoảng tháng 9 năm 2022, Lương Ngọc N T được anh Nguyễn Văn T tin tưởng giao cho mượn chiếc xe nhãn hiệu Honda SH 150i, màu đen, BKS: 29E2-209.00 để sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 10 giờ ngày 09/5/2023, tại tòa nhà Tokin 1, khu đô thị Vinhome Smart City, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Lương Ngọc N T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nêu trên mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, N T đã mang xe đến Cửa hàng cầm đồ số 219 đường Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cầm cố cho anh Nguyễn Ngọc H lấy 50.000.000 đồng, sau đó bỏ việc về quê và cắt đứt liên lạc với anh T và anh Hưng. Quá thời hạn cầm cố xe, do không liên lạc được với N T nên anh Hưng đã bán thanh lý chiếc xe trên cho một người không quen biết dẫn đến hậu quả không thu hồi được tài sản để trả lại cho anh Nguyễn Văn T. Trị giá chiếc xe nhãn hiệu Honda SH 150i, màu đen, BKS: 29E2-209.00 N T chiếm đoạt của anh Hưng là: 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)*. Bị cáo N T khai nhận tội, hậu quả chưa khắc phục, anh Nguyễn Văn T yêu cầu N T bồi thường cho anh T số tiền: 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)* tương đương giá trị định giá tài sản chiếc xe do không thu hồi được;

Hành vi nêu trên của Bị cáo Lương Ngọc N T đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam

Từ Liêm truy tố bị cáo N T về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo N T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo N T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra, nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly Bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo N T từ 12 đến 15 tháng tù là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt cao hơn đề nghị của Kiểm sát viên mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy anh Nguyễn Văn T là Bị hại yêu cầu Bị cáo N T bồi thường cho anh T số tiền: 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)* tương đương giá trị định giá tài sản chiếc xe nhãn hiệu Honda SH 150i, màu đen, BKS: 29E2-209.00 Bị cáo N T chiếm đoạt của anh T do không thu hồi được, Hội đồng xét xử buộc Bị cáo N T bồi thường cho anh T số tiền 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)*, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự;

[6] Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng cầm đồ tại Bút lục số 71 trong hồ sơ vụ án;

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 175; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lương Ngọc N T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo **Lương Ngọc N T 24** *(Hai mươi bốn)* **tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/11/2023;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 585; Khoản 1 Điều 586; Khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc Bị cáo N T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền: 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng);*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Bị cáo N T phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

nhưng cho hưởng án treo, **thời gian thử thách 60** *(Sáu mươi)* **tháng,** kể từ ngày tuyên án. Giao Bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có N T quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

.T QUYẾT ĐỊNH XÉT XỬ BỊ CÁO TẠI NGOẠI

PHẦN Ý KIẾN CỦA CÁC BỊ CÁO GHI:

Tôi đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ của tôi theo quy định tại Điều 61 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Tôi cam đoan có mặt tại phiên tòa theo đúng ngày, giờ ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án. Nếu tôi vắng mặt, Tòa án Quyết định tạm giam hoặc xét xử vắng mặt, tội không thắc mắc, khiếu nại gì.

- Tôi không mời Người bào chữa.